

UBND QUẬN LONG BIÊN  
TRƯỜNG THCS GIA THUY



**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II**  
**NĂM HỌC 2021 – 2022**

**KHỐI 9**

*Hà Nội, tháng 4 năm 2022*

**LỊCH KIỂM TRA CUỐI KỲ II KHỐI 9**  
**NĂM HỌC 2021 – 2022**

(Kèm theo KH số: 17 ngày 01 tháng 4 năm 2022)

**Thời gian thực hiện:**

- Khối 9 bắt đầu kiểm tra học kỳ II từ ngày 11/4/2022 đến 20/4/2022

Thứ/ngày	Môn	Khối	Tiết	TG làm bài	Ghi chú
Ba (12/4)	Địa	9	1	45 phút	- Môn: TD, ÂN khối 9 GV sắp xếp kiểm tra theo TKB từ ngày 11/4/2022.  - 3 môn: Văn Toán Anh chia phòng
Ba (12/4)	Công nghệ	9	3	45 phút	
Tư (13/4)	Sinh	9	1	45 phút	
Năm (14/4)	GDCD	9	1	45 phút	
Sáu (15/4)	Lý	9	1	45 phút	
Bảy (16/4)	Hóa	9	1	45 phút	
Hai (18/4)	Sử	9	2	45 phút	
Ba (19/4)	Văn	9	8h00-9h30	90 phút	
	Anh	9	9h55-10h55	45 phút	
Tư (20/4)	Toán	9	8h00-9h30	90 phút	

# Mục lục

1. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN TOÁN.....	1
2. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN THỂ DỤC.....	5
3. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN GDCD.....	6
4. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN CÔNG NGHỆ .....	8
5. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN VẬT LÝ .....	11
6. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN TIẾNG ANH .....	14
7. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN NGỮ VĂN .....	15
8. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN ĐỊA LÝ .....	16
9. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN HÓA HỌC.....	19
10. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN SINH HỌC .....	20
11. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN ÂM NHẠC .....	23
12. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN LỊCH SỬ .....	24

**MÔN TOÁN****I. Mục đích yêu cầu:****1. Kiến thức:****a. Đại số:**

- Biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai.
- Hệ phương trình bậc nhất 2 ẩn: Các phương pháp giải.
- Hàm số  $y = ax^2$  (a khác 0): Tính chất và đồ thị.
- Công thức nghiệm của phương trình bậc 2 một ẩn.
- Hệ thức Vi-et và ứng dụng.
- Giải các dạng phương trình qui được về phương trình bậc hai.
- Giải bài toán bằng cách lập phương trình, hệ phương trình.

**b. Hình học:**

- Các loại góc với đường tròn: Góc ở tâm, góc nội tiếp, góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung, góc có đỉnh ở bên trong hay bên ngoài đường tròn (Định nghĩa, tính chất).
- Liên hệ giữa cung và dây: Phát biểu định lí, vẽ hình, chứng minh.
- Cung chứa góc:
  - + Quỹ tích các điểm M nhìn đoạn thẳng AB một góc  $90^\circ$ .
  - + Quỹ tích các điểm M nhìn đoạn thẳng AB một góc  $\alpha$  ( $0 < \alpha < 180^\circ$ )
    - Tứ giác nội tiếp:
  - + Định nghĩa, tính chất.
  - + Các dấu hiệu nhận biết tứ giác nội tiếp.
    - Độ dài đường tròn, cung tròn. Diện tích hình tròn, hình quạt tròn, diện tích hình viên phân, hình vành khăn.
    - Hình trụ, hình nón, hình nón cụt, hình cầu. Các công thức tính diện tích và thể tích.

**2. Kỹ năng:** Củng cố và nâng cao kỹ năng làm bài tập thông qua các dạng bài tập ứng với từng nội dung kiến thức.

**3. Thái độ:** Giáo dục thái độ tích cực, chủ động, tính toán chính xác, cẩn thận và tự giác làm bài.

**4. Phát triển năng lực:** Giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp, thực hành hợp tác.

**II. Phạm vi ôn tập:** Toàn bộ kiến thức HKII**III. Một số bài tập cụ thể:****A. ĐẠI SỐ**

**Dạng 1:** *Biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc 2 và các câu hỏi liên quan.*

**Bài 1.** Cho các biểu thức  $A = \frac{1}{x + \sqrt{x}} + \frac{1}{\sqrt{x+1}}$ ;  $B = \frac{2}{\sqrt{x+1}}$  với  $x > 0$

- a. Tính giá trị của B khi  $x = 81$
- b. Rút gọn biểu thức  $P = A : B$
- c. So sánh P và  $\frac{1}{2}$

**Bài 2.** Cho các biểu thức  $A = \frac{x+3}{x-9} + \frac{2}{\sqrt{x+3}}$ ;  $B = \frac{1}{\sqrt{x-3}}$  với  $x \geq 0; x \neq 9$

- Tính giá trị của B khi  $x = 16$
- Rút gọn biểu thức  $M = A - B$
- Tìm giá trị của x để  $M = \frac{\sqrt{x+1}}{\sqrt{x+2}}$

**Bài 3.** Cho hai biểu thức:

$$A = \frac{x}{\sqrt{x+1}}; B = \frac{3}{\sqrt{x+1}} + \frac{1}{1-\sqrt{x}} + \frac{x+5}{x-1} \text{ với } x \geq 0, x \neq 1$$

- Tính giá trị của biểu thức A khi  $x = 16$
- Rút gọn biểu thức B
- Tìm x để  $A.B \leq 4$ .

**Bài 4.** Cho hai biểu thức  $A = \frac{\sqrt{x}}{2\sqrt{x+1}}$  và  $B = \frac{2}{2\sqrt{x-1}} - \frac{3+2\sqrt{x}}{4x-1}$  với  $x \geq 0; x \neq \frac{1}{4}$ .

- Tính giá trị biểu thức A khi  $x = 4$ .
- Chứng minh  $B = \frac{1}{2\sqrt{x+1}}$ .
- Tìm tất cả các giá trị của x để biểu thức  $P = 4A + B$  đạt giá trị nhỏ nhất.

**Dạng 2: Giải toán bằng cách giải phương trình, giải hệ phương trình:**

**Bài 1:** Một tổ sản xuất phải may được 600 khẩu trang chống dịch Covid-19 trong thời gian quy định. Do tăng năng suất lao động, mỗi giờ tổ đó may được nhiều hơn kế hoạch là 20 chiếc nên công việc được hoàn thành sớm hơn quy định 1 giờ. Hỏi theo kế hoạch, mỗi giờ tổ đó phải may được bao nhiêu khẩu trang?

**Bài 2:** Quãng đường AB dài 48km trong đó đoạn đường qua khu dân cư dài 8km. Một ô tô đi từ A đến B với vận tốc quy định. Khi đi qua khu dân cư xe phải giảm vận tốc 10km/h so với vận tốc quy định. Tính vận tốc của ô tô khi đi qua khu dân cư, biết rằng thời gian ô tô đi từ A đến B là 1 giờ.

**Bài 3:** Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 12m. Nếu tăng chiều dài thêm 12m và chiều rộng thêm 2m thì diện tích mảnh vườn đó tăng gấp đôi. Tính chiều dài và chiều rộng ban đầu của mảnh vườn đó?

**Bài 4:** Hai lớp 9A và 9B tham gia đợt trồng cây vì môi trường xanh- sạch- đẹp. Cả hai lớp có 81 bạn tham gia. Mỗi bạn lớp 9A trồng được 5 cây, mỗi bạn lớp 9B trồng được 4 cây. Cả hai lớp trồng được 364 cây. Tính số học sinh của mỗi lớp.

**Dạng 3: Giải phương trình và hệ phương trình:**

**3.1.** Giải các phương trình:

a)  $x^4 - 5x^2 - 36 = 0$

b)  $x - 3\sqrt{x} - 10 = 0$

c)  $\frac{2x^2}{x^2-1} + \frac{1}{x-1} + \frac{2}{x+1} = 1$

**3.2. Giải hệ phương trình**

$$\begin{array}{l}
 \text{a) } \begin{cases} \frac{3}{x+1} + \frac{1}{y-2} = 4 \\ \frac{2}{x+1} + \frac{1}{y-2} = 3 \end{cases} \quad \text{b) } \begin{cases} (x+1)(y-1) = xy-1 \\ (x-3)(y-3) = xy-3 \end{cases} \quad \text{c) } \begin{cases} 2x+5|y-3| = 2 \\ x-2|y-3| = 1 \end{cases} \quad \text{d) } \\
 \begin{cases} \sqrt{3-x} + \frac{2}{y+2} = 5 \\ 4\sqrt{3-x} + \frac{3}{y+2} = 15 \end{cases}
 \end{array}$$

**3.3. Phương trình bậc 2 và ứng dụng Viet:**

**Bài 1:** Tìm m để phương trình:  $x^2 - 2mx + m^2 - 1 = 0$  (1)

- Có hai nghiệm trái dấu.
- Có hai nghiệm cùng dương.
- Có 2 nghiệm  $x_1, x_2$  mà  $x_1^2 + x_2^2 = 20$
- Có 2 nghiệm  $x_1, x_2$  mà  $x_2 = 3x_1$

**Bài 2:** Cho phương trình:  $x^2 - 2(m+1)x + 2m + 10 = 0$  (1)

- Tìm m để PT (1) có 2 nghiệm phân biệt.
- Trong trường hợp phương trình có hai nghiệm  $x_1, x_2$  tìm hệ thức liên hệ giữa hai nghiệm  $x_1, x_2$  không phụ thuộc vào m.
- Tìm m để  $P = 10x_1x_2 + x_1^2 + x_2^2$  đạt GTNN.

**Bài 3:** Cho đường thẳng (d):  $y = mx + m + 1$  và parabol (P):  $y = x^2$ . Tìm m để đường thẳng (d) cắt parabol (P) tại hai điểm phân biệt có hoành độ  $x_1; x_2$  sao cho  $\frac{1}{x_1} + \frac{1}{x_2} = -\frac{1}{2}$ .

**Bài 4:** Cho parabol (P):  $y = \frac{-x^2}{2}$ ; đường thẳng (d) đi qua điểm C (0; -2) và có hệ số góc là m.

- Xác định đường thẳng (d) và chứng minh đường thẳng (d) luôn cắt parabol (P) tại 2 điểm phân biệt với mọi giá trị của m.
- Gọi giao điểm của (d) và (P) là A; B. Tính diện tích của tam giác AOB theo m (O là gốc tọa độ).

**B. HÌNH HỌC****1. Hình học không gian:**

**1.1.** Một hộp sữa hình trụ có đường kính là 12 cm, chiều cao là 10 cm. Tính diện tích vật liệu dùng để tạo nên một vỏ hộp như vậy (Không tính phần mép nối).

**1.2.** Một lon nước ngọt hình trụ có đường kính đáy là 5cm, độ dài trục là 12cm. Tính thể tích lon nước ngọt.

**1.3.** Nón Huế là một hình tròn có đường kính đáy bằng 40cm, độ dài đường sinh là 30cm. Người ta lát mặt xung quanh hình nón bằng 3 lớp lá khô. Tính diện tích lá cần dùng để tạo nên một chiếc nón Huế như vậy (làm tròn đến  $cm^2$ ).

**1.4.** Có 5 viên bi thủy tinh hình cầu, đường kính mỗi viên là 2cm. Một cốc thủy tinh hình trụ có đường kính đáy là 6cm, đang đựng nước (6cm là đường kính cột nước).

a) Tính thể tích mỗi viên bi.

b) Thả 5 viên bi vào cốc nước; biết rằng cả năm viên bi ngập trong nước và nước không tràn ra ngoài, tính chiều cao cột nước dâng lên?

## 2. Hình học phẳng:

**2.1.** Cho đường tròn  $(O; R)$ , đường kính BC. Điểm A thuộc đường tròn ( $AB < AC$ ), kẻ AH vuông góc với BC, HE vuông góc với AB, HF vuông góc với AC. Gọi M, N lần lượt là trung điểm của FA và FC.

a) Chứng minh:  $AE \cdot AB = AF \cdot AC$

b) Chứng minh: Tứ giác BEFC nội tiếp.

c) Gọi K là trực tâm tam giác HMN, cho  $\angle ACB = 30^\circ$ . Tính theo R độ dài đoạn HF và diện tích tam giác KMN.

**2.2.** Cho đường tròn  $(O; R)$ , đường kính AB. Trên cung nửa mặt phẳng bờ AB chứa nửa đường tròn, kẻ hai tiếp tuyến Ax, By với nửa đường tròn. Lấy điểm M thuộc nửa đường tròn, tiếp tuyến tại M của nửa đường tròn cắt Ax, By lần lượt tại C và D. Nối AD cắt BC tại N, MN cắt AB tại H.

a) Chứng minh: Tứ giác OACM là tứ giác nội tiếp.

b) Chứng minh: tích  $AC \cdot BD$  không phụ thuộc vào vị trí của M

c) Chứng minh  $MN \parallel BD$  và  $MN = NH$ .

**2.3.** Cho đường tròn  $(O; R)$  với dây BC cố định (BC không qua O). Gọi A là điểm chính giữa cung nhỏ BC. Điểm E thuộc cung lớn BC. Nối AE cắt BC tại D. Gọi I là trung điểm BC. Kẻ CH vuông góc với AE tại H, nối EB cắt CH tại M.

a) CMR:  $AD \cdot AE = AB^2$

b) CMR: 4 điểm A, I, C, H cùng thuộc một đường tròn

c) So sánh AM và AC; tìm vị trí của E để diện tích tam giác MAC lớn nhất

**2.4.** Cho đường tròn  $(O; R)$ . Điểm M ở ngoài đường tròn sao cho  $OM = 2R$ . Kẻ hai tiếp tuyến MA, MB với đường tròn (A; B là tiếp điểm). Nối OM cắt AB tại H. Hạ HD vuông góc với MA tại D. Điểm C thuộc cung nhỏ AB. Tiếp tuyến tại C của đường tròn  $(O; R)$  cắt MA, MB lần lượt tại E và F.

a) Chứng minh MAOB là tứ giác nội tiếp.

b) Chứng minh  $OH \cdot OM = OA^2$ .

c) Đường tròn đường kính MB cắt BD tại I. Gọi K là trung điểm của OA.

Chứng minh: 3 điểm M; I; K thẳng hàng.

--- HẾT ---

## MÔN THỂ DỤC

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Về kiến thức:

- Nắm vững kiến thức về kỹ thuật phát cầu cao bằng mu chân chính diện bàn chân.

#### 2. Kỹ năng:

- Thực hiện kỹ thuật phát cầu cao bằng mu chân chính diện bàn chân.

#### 3. Thái độ:

- Tác phong nhanh nhẹn, tự giác tích cực trong học tập, tính đoàn kết tập thể.

#### 4. Phát triển năng lực:

- HS phát huy được tính chủ động, tích cực, phát triển năng lực vận động, tư duy động tác và biết vận dụng vào thực tế để tập luyện trên lớp cũng như ở nhà.

### II. PHẠM VI ÔN TẬP

- Nội dung ôn tập kỹ thuật phát cầu cao bằng mu chân chính diện bàn chân từ tiết 58 đến tiết 66.

### III. NỘI DUNG ÔN TẬP

#### A. Lý thuyết:

- Phân tích các giai đoạn trong kỹ thuật phát cầu cao bằng mu chân chính diện bàn chân

#### B. Bài tập:

- Thực hiện kỹ thuật phát cầu cao bằng mu chân chính diện bàn chân

.

----- HẾT -----



## MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

### I. Mục đích yêu cầu:

#### 1. Kiến thức:

- Học sinh nắm vững kiến thức các nội dung đã học, các bài học giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật

#### 2. Kỹ năng:

- HS có kỹ năng trả lời câu hỏi, làm bài tập thực hành, bài tập trắc nghiệm, xử lý tình huống

- Biết vận dụng kiến thức đã học để tự rèn luyện bản thân, chấp hành những quy định của pháp luật

#### 3. Thái độ:

- HS có thái độ học tập, ôn tập nghiêm túc

- Tôn trọng, chấp hành nội quy của Nhà trường, pháp luật của Nhà nước

#### 4. Hình thành và phát triển năng lực:

- Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực công nghệ thông tin, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo...

- Năng lực chuyên biệt:

+ Tự nhận thức, điều chỉnh hành vi thể hiện nghĩa vụ với các phạm trù đạo đức và pháp luật.

+ Tự chịu trách nhiệm và thực hiện trách nhiệm với các phạm trù đạo đức và pháp luật.

+ Giải quyết các vấn đề thực tiễn về các phạm trù đạo đức và pháp luật.

**II. Phạm vi ôn tập:** Ôn từ bài 12 đến bài 18 (không kể kiến thức đã được giảm tải do Dịch Covid 19).

### III. Một số bài tập cụ thể:

- Các dạng bài tập trắc nghiệm

- Bài tập tự luận

---

- Vận dụng các kiến thức đã học để xử lí các bài tập tình huống

**Bài 1:** Trong chế độ XHCN, các quy định của pháp luật đều có nội dung của đạo đức, vì xử sự theo pháp luật cũng là thực hiện một hành vi đạo đức.

a. Em có suy nghĩ như thế nào về ý kiến trên?

b. Em hãy lấy ví dụ để chứng minh.

**Bài 2:** *Q là thiếu niên (12 tuổi) rất hay gây gổ đánh nhau với mọi người và ăn cắp vặt. Vừa rồi, có người trông thấy Q lấy trộm xe đạp của ông H đầu ngõ đem bán và đã báo Công an nên Q bị bắt về đồn. Tuy nhiên, chỉ nửa ngày sau đã thấy Q ở ngoài phố.*

Mọi người bàn tán và đưa ra các ý kiến khác nhau, theo em ý kiến nào đúng, vì sao?

a. Q phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

b. Q không phải chịu trách nhiệm trước pháp luật vì Q chưa đủ 14 tuổi.

c. Q đã vi phạm pháp luật hành chính và phải chịu trách nhiệm hành chính về hành vi trộm cắp của mình.

**Bài 3:** *Do có mâu thuẫn với nhau, B và D cãi lộn và đánh nhau. B đã dùng gậy đánh D bị thương nặng, gây thương tật với tỉ lệ là 12% và phải bồi thường 10 triệu đồng để chi trả cho D trong thời gian điều trị tại bệnh viện. Có người nói rằng B đã vi phạm pháp luật dân sự nên đã phải bồi thường tiền, mà bồi thường tiền tức là chịu trách nhiệm dân sự.*

a. Trong trường hợp này, B. đã vi phạm pháp luật gì? Vì sao?

b. B phải chịu trách nhiệm gì?

**Bài 4:** Trình bày nội dung quyền tham gia quản lí nhà nước và quản lí xã hội của công dân ? Em hãy nêu ba việc công dân có thể làm để quản lí nhà nước và xã hội?

----- HẾT -----

## MÔN CÔNG NGHỆ

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Học sinh nắm chắc kiến thức về mạch điện, các bước lắp mạch điện một số mạch điện đơn giản, nắm chắc kiến thức về mạch điện kiểu ngầm, kiểu nổi và một số quy tắc kiểm tra an toàn mạng điện trong nhà.

#### 2. Kỹ năng:

- Áp dụng được thành thạo các kiến thức về mạch điện để lắp mạch, rèn kỹ năng vẽ sơ đồ nguyên lý, sơ đồ lắp đặt mạch 1 số mạch điện đơn giản.

#### 3. Thái độ:

- Có thái độ nghiêm túc, tích cực ôn tập.

#### 4. Phát triển năng lực:

- Năng lực tự giải quyết vấn đề.  
- Năng lực sáng tạo.

### II. PHẠM VI ÔN TẬP

1. Mạch điện hai công tắc 2 cực điều khiển hai đèn.

Mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển 1 đèn.

Mạch điện 1 công tắc 3 cực điều khiển hai đèn và một số mạch điện đơn giản khác.

2. Cách lắp đặt dây dẫn của mạng điện trong nhà

3. Kiểm tra an toàn mạng điện trong nhà

### III. NỘI DUNG ÔN TẬP

#### A. Lý thuyết:

- Ôn lại kiến thức đã học từ bài 8 đến bài 12 SGK công nghệ 9.

#### B. Bài tập: Tham khảo một số bài tập sau:

##### I. Bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1: Mạch điện dùng 1 công tắc 3 cực điều khiển 2 đèn nhằm mục đích?**

- A. Thắp sáng đồng thời 2 đèn  
B. Sử dụng lắp đặt mạch điện cầu thang  
C. Chuyển đổi thắp sáng luân phiên 2 đèn  
D. Để an toàn điện

**Câu 2: Sơ đồ lắp đặt được dùng để:**

- A. Dự trù vật liệu.  
B. Tìm hiểu nguyên lý làm việc của mạch điện.  
C. Biểu thị vị trí các các phần tử của mạng điện.  
D. Đáp án A và C

**Câu 3: Công tắc 3 cực gồm:**

- A. 2 cực tĩnh, 1 cực động  
 B. 1 cực tĩnh, 1 cực động  
 C. 2 cực tĩnh, 2 cực động  
 D. 2 cực động, 1 cực tĩnh

**Câu 4: Khi kiểm tra cầu chì cần chú ý:**

- A. Cầu chì mắc ở dây trung tính  
 B. Không cần nắp che.  
 C. Cầu chì mắc ở dây pha.  
 D. Cầu chì mắc sau các đồ dùng điện.

**Câu 5: Trước khi vẽ sơ đồ lắp đặt KHÔNG cần xác định yếu tố nào sau đây?**

- A. Mục đích sử dụng, vị trí lắp đặt bảng điện.  
 B. Vị trí, cách lắp đặt các phần tử của mạch điện.  
 C. Chúng loại các thiết bị của mạch điện.  
 D. Phương pháp lắp đặt dây dẫn: lắp đặt nổi hay chìm.

**Câu 6: Sơ đồ nguyên lý cho ta biết:**

- A. Cách bố trí các thiết bị trên bảng điện.  
 B. Lượng dây dẫn cần chuẩn bị.  
 C. Số lượng các phần tử có trong mạch điện.  
 D. Cách nối dây thiết bị điện khi lắp đặt

**Câu 7: Các thiết bị cơ bản dùng để lắp đặt mạch điện cầu thang gồm có:**

- A. 1 cầu chì, 2 công tắc 3 cực, 2 đèn  
 B. 1 cầu chì, 2 công tắc 3 cực, 1 đèn  
 C. 2 cầu chì, 1 công tắc đơn, 1 công tắc 3 cực, 1 đèn  
 D. 2 cầu chì, 2 công tắc đơn, 1 công tắc 3 cực, 2 đèn

**Câu 8: Nội dung nào sau đây là sai khi kiểm tra an toàn mạng điện trong nhà ?**

- A. Kiểm tra sự phù hợp của số liệu định mức cầu chì  
 B. Kiểm tra rò điện.  
 C. Kiểm tra cách điện đồ dùng điện.  
 D. Nhiều đồ dùng điện có điện áp định mức khác nhau thì dùng chung một ổ cắm.

**Câu 9: Trong quy trình lắp đặt mạch điện cầu thang, sau khi khoan lỗ bảng điện ta thực hiện bước tiếp theo là gì?**

- A. Vạch dấu  
 B. Lắp đặt thiết bị điện của bảng điện  
 C. Nối dây mạch điện  
 D. Kiểm tra mạch điện

**Câu 10: Biện pháp an toàn điện khi sử dụng điện là:**

- A. Kiểm tra cách điện của đồ dùng điện  
 B. Thực hiện nối đất các thiết bị, đồ dùng điện  
 C. Thực hiện tốt cách điện dây dẫn điện  
 D. Tất cả các phương án A, B, C

**Câu 11: Kẹp đỡ ống luôn dây dẫn dùng để:**

- A. Nối tiếp 2 ống luôn dây lại với nhau  
 B. Để phân nhánh dây dẫn  
 C. Cố định ống luôn dây dẫn  
 D. Nối 2 ống vuông góc.

**Câu 12: Phát biểu nào sau đây là đúng với yêu cầu kỹ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi?**

- A. Đường dây dẫn song song với vật kiến trúc  
 B. Khi dây dẫn đổi hướng hoặc phân nhánh không cần phải thêm kẹp ống  
 C. Bảng điện phải cách mặt đất tối thiểu từ 0.5m - 1 m

D. Tổng tiết diện của dây dẫn trong ống phải vượt quá 40 % tiết diện ống

**Câu 13: Các phụ kiện đi kèm theo ống luồn dây gồm:**

A. Ống nối nối tiếp.

B. Ống nối chữ T

C. Ống nối chữ L

D. Cả 3 phương án trên

**Câu 14: Trong lắp đặt mạng điện kiểu nối dùng ống cách điện, khi nối 2 ống luồn dây vuông góc với nhau ta thường dùng:**

A. Ống nối chữ T

B. Ống nối nối tiếp

C. Kẹp đỡ ống

D. Ống nối chữ L

**Câu 15: Để đảm bảo an toàn cho mạng điện trong nhà, khi kiểm tra ta cần:**

A. Chỉ cần kiểm tra các thiết bị điện

B. Cần phải kiểm tra tất cả các phần tử của mạng điện

C. Chỉ cần kiểm tra dây dẫn điện

D. Chỉ cần kiểm các đồ dùng điện

## II. Bài tập tự luận

**Bài 1:** Phương pháp lắp đặt dây dẫn kiểu nối cần đạt được yêu cầu gì? So sánh ưu nhược điểm của các phương pháp lắp đặt dây dẫn của mạng điện trong nhà?

**Bài 2:** Tại sao cần kiểm tra định kỳ về an toàn của mạng điện trong nhà? Khi kiểm tra an toàn điện của mạng điện trong nhà thì cần kiểm tra những nội dung gì? Trình bày nội dung kiểm tra cầu chì; các đồ dùng điện của mạng điện trong nhà?

**Bài 3:** Vẽ sơ đồ lắp đặt của các mạch điện sau:

a. Mạch điện gồm 1 cầu chì, hai công tắc ba cực điều khiển một bóng đèn sợi đốt?

b. Mạch điện gồm 1 cầu chì, 1 công tắc 3 cực điều khiển 2 bóng đèn sợi đốt.

----- HẾT -----

## MÔN VẬT LÝ

### A. MỤC TIÊU

**1. Kiến thức:** Học sinh nắm chắc kiến thức về hiện tượng khúc xạ ánh sáng, nhận biết được thấu kính hội tụ, thấu kính phân kỳ, nắm được đặc điểm ảnh của vật tạo bởi thấu kính hội tụ, thấu kính phân kỳ, kính lúp, mắt, đặc điểm mắt cận, mắt lão và cách khắc phục, sự phân tích ánh sáng trắng...

**2. Kỹ năng:** Áp dụng được thành thạo các kiến thức liên quan để làm bài tập, giải thích một số hiện tượng liên quan.

**3. Thái độ:** Có thái độ nghiêm túc, tích cực ôn tập nắm bắt, tích lũy kiến thức.

**4. Năng lực:** Phát triển năng lực tính toán, năng lực tự giải quyết vấn đề, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực sáng tạo, năng lực quan sát.

### B. PHẠM VI ÔN TẬP

1. Khúc xạ ánh sáng, thấu kính hội tụ, thấu kính phân kì và sự tạo ảnh của vật qua hai loại thấu kính đó.

2. Mắt và kính lúp

3. Các cách phân tích ánh sáng trắng.

#### I. Lý thuyết

**Câu 1:** Hiện tượng khúc xạ ánh sáng là gì?

**Câu 2:** Nhận biết thấu kính hội tụ và thấu kính phân kỳ, nêu tính chất ảnh của vật tạo bởi thấu kính hội tụ, tạo bởi thấu kính phân kỳ?

**Câu 3:** Nêu cấu tạo của mắt về mặt quang học? Nêu đặc điểm của tật mắt cận, tật mắt lão và cách khắc phục?

**Câu 4:** Trình bày đặc điểm của kính lúp và cách dùng kính lúp? Nêu khái niệm số bội giác của kính lúp viết công thức tính số bội giác.

**Câu 5:** Trình bày hai cách phân tích ánh sáng trắng?

#### II. Bài tập

##### **1. Bài tập trắc nghiệm:**

- Xem lại các bài tập trắc nghiệm trong sách bài tập vật lí 9.

- Tham khảo một số dạng bài tập sau:

**Câu 1:** Xét một tia sáng truyền từ không khí vào nước. Thông tin nào sau đây là sai?

A. Góc tới luôn luôn lớn hơn góc khúc xạ.

B. Khi góc tới tăng thì góc khúc xạ cũng tăng.

C. Khi góc tới bằng  $0^0$  thì góc khúc xạ cũng bằng  $0^0$ .

D. Khi góc tới bằng  $45^0$  thì góc khúc xạ bằng  $45^0$

**Câu 2: Một người nhìn thấy viên sỏi dưới đáy một chậu chứa đầy nước. Thông tin nào sau đây là sai?**

- A. Tia sáng từ viên sỏi tới mắt truyền theo đường gấp khúc.
- B. Tia sáng từ viên sỏi tới mắt truyền theo đường thẳng.
- C. Ảnh của viên sỏi nằm trên vị trí thực của viên sỏi.
- D. Tia sáng truyền từ viên sỏi đến mắt có góc tới nhỏ hơn góc khúc xạ.

**Câu 3: Ánh sáng Mặt trời chiếu từ không khí vào một bể bơi. Tại đâu sẽ xảy ra hiện tượng khúc xạ ánh sáng?**

- A. Trên đường truyền trong không khí.
- B. Tại mặt phân cách giữa không khí với nước.
- C. Trên đường truyền trong nước.
- D. Tại đáy bể nước.

**Câu 4: Chiếu một tia sáng từ trong nước ra không khí, với góc tới bằng  $30^\circ$  thì:**

- A. Góc khúc xạ lớn hơn  $30^\circ$ .
- B. Góc khúc xạ nhỏ hơn  $30^\circ$ .
- C. Góc khúc xạ bằng với  $30^\circ$ .
- D. Cả 3 ý trên đều sai.

**Câu 5: Chọn câu Sai trong các câu sau:**

Thấu kính hội tụ

- A. có phần rìa dày hơn phần giữa.
- B. cho ảnh ảo cùng chiều và lớn hơn vật.
- C. cho ảnh thật ngược chiều với vật.
- D. lúc cho ảnh thật, lúc cho ảnh ảo tùy vào vị trí của vật đặt trước thấu kính.

**Câu 6: Thấu kính phân kì có đặc điểm và tác dụng nào dưới đây?**

- A. Có phần giữa mỏng hơn phần rìa và cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.
- B. Có phần giữa mỏng hơn phần rìa và không cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.
- C. Có phần giữa dày hơn phần rìa và cho phép thu được ảnh của Mặt trời.
- D. Có phần giữa dày hơn phần rìa và không cho phép thu được ảnh của Mặt trời.

**Câu 7: Một vật AB cao 5cm đặt cách thấu kính phân kì 50cm, cho một ảnh A'B' cách thấu kính 20cm, hỏi ảnh A'B' có độ lớn là bao nhiêu?**

- A. 2cm
- B. 3cm
- C. 4cm
- D. 5cm

**Câu 8: Đặt vật AB vuông góc với trục chính của một thấu kính hội tụ có tiêu cự  $f = 20\text{cm}$ , cách thấu kính một khoảng  $d = 30\text{cm}$ . Khoảng cách từ ảnh của vật đến thấu kính là:**

- A. 20cm
- B. 30cm
- C. 60cm
- D. 90cm

**Câu 9: Thấu kính phân kì có thể:**

- A. làm kính đeo chữa tật cận thị.
- B. làm kính lúp để quan sát những vật nhỏ.
- C. làm kính hiển vi để quan sát những vật rất nhỏ.
- D. làm kính chiếu hậu trên xe ô tô.

**Câu 10:** Tia tới song song trục chính một thấu kính phân kì, cho tia ló có đường kéo dài cắt trục chính tại một điểm cách quang tâm O của thấu kính 15cm. Tiêu cự của thấu kính này là:

- A. 15cm.                      B. 20cm.                      C. 25cm.                      D. 30cm.

**Câu 11:** Để quan sát một vật nhỏ qua kính lúp ta phải đặt vật ở vị trí nào?

- A. Đặt vật sát mặt kính lúp.                      B. Đặt vật trong khoảng tiêu cự.  
C. Đặt vật ngoài khoảng tiêu cự.                      D. Đặt vật nằm trong khoảng từ  $2f$  đến  $f$ .

**Câu 12:** Một người đeo thấu kính hội tụ (sát mắt) có tiêu cự 60cm thì mới nhìn rõ được những vật gần nhất cách mắt 28cm. Khoảng cực cận của mắt người này là:

- A. 52,5cm                      B. 60cm                      C. 30cm                      D. 28cm

**Câu 13:** Một người bị tật cận thị, khi không đeo kính, người này có thể nhìn rõ những vật xa nhất cách mắt là 50cm. Kính cận của người đó có tiêu cự là:

- A. 30cm                      B. 50cm                      C. 25cm                      D. 100cm

**Câu 14:** Về phương diện quang học, thể thủy tinh của mắt giống như:

- A. Gương cầu lồi.                      B. Gương cầu lõm.  
C. Thấu kính hội tụ.                      D. Thấu kính phân kỳ.

**Câu 15:** Ánh sáng Mặt Trời không bị tách ra các màu khi đi qua vật nào sau đây?

- A. Lăng kính.                      B. Tấm thủy tinh mỏng.  
C. Bong bóng xà phòng.                      D. Váng dầu, mỡ.

**2. Bài tập tự luận:** Làm các dạng bài tập sau:

**Bài 1:** Một kính lúp có số bội giác  $G = 1,5x$ .

- a. Kính lúp đó có tiêu cự là bao nhiêu? Dùng kính này để quan sát vật thì phải đặt vật trong khoảng nào để nhìn thấy được ảnh ảo của vật, cùng chiều và lớn hơn vật?  
b. Một bạn HS dùng kính này để quan sát dòng chữ trong một quyển sách đặt cách kính 12cm thì thấy dòng chữ cao 8cm, hỏi chiều cao của dòng chữ trong sách?

**Bài 2:** Mắt bạn Hòa có điểm cực viễn cách mắt 40cm, mắt bạn Bình có điểm cực viễn nằm cách mắt 60cm.

- a. Mắt hai bạn bị tật khúc xạ gì? Ai nặng hơn? Vì sao?  
b. Hòa và Bình đều phải đeo kính để khắc phục. Kính được đeo sát mắt. Đó là thấu kính loại gì? Kính thích hợp có tiêu cự bằng bao nhiêu?  
c. Khi đeo kính thích hợp mắt hai bạn có thể nhìn thấy những vật xa nhất cách mắt bao nhiêu?

----- HẾT -----



**MÔN TIẾNG ANH****I. CONTENT**Grammar:

1. Tenses: All tenses
2. Active – Passive sentences
3. Relative Clause
4. Articles
5. Conditional Sentences
6. Reported Speech
7. Modals verbs

Vocabulary: All the words related to unit 7 to unit 11.

Phonetics:

1. All sounds
2. Stress syllable

**II. EXERCISES****WRITTEN TEST****A. Phonetics: Pronunciation and stress syllable**

Choose the word which has underlined part is pronounced differently and different stress syllables

**B. Vocabulary and grammar**

- I. Choose the best answer (Voc, Gra, Communication, closest/opposite meaning)
- II. Find out the mistakes

**C. Reading: Read the passage and choose the best answer**

Paragraph related to one of the topics: Television, sports and games, cities of the world

**D. Writing**

- I. Rewrite the sentences without the word given
- II. Rewrite the sentences without changing the meaning

-----The end-----

## MÔN NGỮ VĂN

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Về kiến thức:

- Học sinh nắm vững kiến thức cơ bản của phần Văn bản, Tiếng Việt, Tập làm văn.

#### 2. Kỹ năng:

- Có kỹ năng trả lời câu hỏi mạch lạc, hợp lí.
- Biết vận dụng kiến thức đã học vào việc cảm thụ và tạo lập văn bản.
- Biết viết đoạn văn NLVH và NLXH.

#### 3. Thái độ:

- Ôn tập nghiêm túc

#### 4. Phát triển năng lực:

- Năng lực sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, ....

### II. NỘI DUNG

#### 1. Phần văn bản.

\* Các văn bản trong chương trình Ngữ văn 9 học kì II

- Bàn về đọc sách - Chu Quang Tiềm
- Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải
- Viếng Lăng Bác - Viễn Phương
- Nói với con - Y Phương
- Sang thu- Hữu Thỉnh
- Những ngôi sao xa xôi - Lê Minh Khuê

\* Văn bản ngoài chương trình

#### 2. Phần Tiếng Việt

- Các kiến thức Tiếng Việt đã học trong chương trình lớp 6,7,8 và lớp 9 (Học kì I)
- Khởi ngữ
- Các thành phần biệt lập
- Liên kết câu và liên kết đoạn văn
- Nghĩa tường minh và hàm ý

#### 3. Phần Tập làm văn

- Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.
- Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí
- Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

- Nghị luận về một tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.

----- HẾT -----

## MÔN: ĐỊA LÍ

### I. MỤC TIÊU:

**1. Kiến thức:** Ôn tập, củng cố kiến thức về vùng Đồng bằng sông Cửu Long (phần kinh tế- xã hội), Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo

**2. Kỹ năng:** Tính toán, nhận xét, giải thích

**3. Thái độ:** Nghiêm túc, tự giác trong học tập

**4. Phát triển năng lực học sinh:**

- Năng lực chung: Trình bày, tư duy, tổng hợp, phân tích

- Năng lực chuyên biệt: kỹ năng đọc Át lát, giải thích, nhận xét bảng số liệu

### II. PHẠM VI ÔN TẬP: Bài 36, 38, 39

### III. NỘI DUNG ÔN TẬP

#### A. Lý thuyết:

- Kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long

- Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo

#### B. Bài tập tham khảo:

##### I. Bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1:** Đồng bằng sông Cửu Long là:

A. vùng trọng điểm cây công nghiệp lớn nhất cả nước.

B. vùng trọng điểm lúa lớn nhất cả nước.

C. vùng trọng điểm chăn nuôi gia súc lớn nhất cả nước.

D. vùng trọng điểm cây thực phẩm lớn nhất cả nước.

**Câu 2:** Cho bảng số liệu:

Ngành sản xuất	Tỉ trọng trong cơ cấu công nghiệp của vùng (%)
Chế biến lương thực thực phẩm	65,0
Vật liệu xây dựng	12,0
Cơ khí nông nghiệp, một số ngành công nghiệp khác	23,0

Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long, chiếm tỉ trọng lớn nhất là ngành.

- A. sản xuất vật liệu xây dựng.
- B. sản xuất hàng tiêu dùng.
- C. công nghiệp cơ khí.
- D. công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm.

**Câu 3:** Hàng xuất khẩu chủ lực của vùng Đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. gạo, xi măng, vật liệu xây dựng.
- B. gạo, hàng may mặc, nông sản.
- C. gạo, thủy sản đông lạnh, hoa quả.
- D. gạo, hàng tiêu dùng, hàng thủ công.

**Câu 4:** Trung tâm kinh tế lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. Thành phố Cần Thơ.
- B. Thành phố Cà Mau.
- C. Thành phố Mỹ Tho.
- D. Thành phố Cao Lãnh.

**Câu 5:** Bên cạnh là vựa lúa số 1 của cả nước, Đồng bằng sông Cửu Long còn phát triển mạnh:

- A. nghề rừng.
- B. giao thông.
- C. du lịch.
- D. thủy hải sản.

**Câu 6:** Đồng bằng Sông Cửu Long là vựa lúa số 1 của cả nước vì:

- A. chiếm hơn 50% diện tích canh tác.
- B. chiếm hơn 50% sản lượng.
- C. chiếm hơn 50% diện tích và sản lượng.
- D. điều kiện tốt để canh tác.

**Câu 7:** Ngành công nghiệp có điều kiện phát triển nhất ở Đồng bằng Sông Cửu Long là

- A. sản xuất hàng tiêu dùng.

- B. dệt may.  
C. chế biến lương thực thực phẩm.  
D. cơ khí.

**Câu 8:** Loại hình giao thông vận tải nào phát triển nhất vùng Đồng bằng Sông Cửu Long?

- A. Đường sông.  
B. Đường sắt.  
C. Đường bộ.  
D. Đường biển.

**Câu 9:** Cho bảng số liệu

DIỆN TÍCH, SẢN LƯỢNG LÚA Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ CẢ NƯỚC NĂM 2002

Tiêu chí \ Vùng	Đồng bằng sông Cửu Long	Cả nước
Diện tích (nghìn ha)	3834,8	7504,3
Sản lượng (triệu tấn)	17,7	34,4

Hỏi năng suất lúa trung bình của Đồng bằng sông Cửu Long là bao nhiêu tạ/ha?

- A. 46,1 tạ/ha.  
B. 21,0 tạ/ha.  
C. 61,4 tạ/ha.  
D. 56,1 tạ/ha.

**Câu 10:** So với các vùng khác, đặc điểm **không phải** của Đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Năng suất lúa cao nhất cả nước.  
B. Diện tích và sản lượng lúa cả năm cao nhất.  
C. Bình quân lương thực theo đầu người cao nhất.  
D. Là vùng trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước.

## II. Bài tập tự luận:

**Câu 1.** Phát triển mạnh công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm có ý nghĩa như thế nào đối với sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long ?

**Câu 2.** Phân tích ý nghĩa của biển, đảo nước ta đối với việc phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng?

**Câu 3.** Nêu một số nguyên nhân và hậu quả của việc ô nhiễm môi trường biển - đảo ở nước ta?

**Câu 4.** Trình bày các phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, đảo của nước ta?

----- HẾT -----

## MÔN HÓA HỌC

### I. Mục đích yêu cầu

#### 1. Kiến thức:

- Hidrocacbon: Công thức phân tử, công thức cấu tạo, đặc điểm cấu tạo, ứng dụng, tính chất hóa học của metan, etilen, axetilen.
- Dẫn xuất của Hidrocacbon: Công thức phân tử, công thức cấu tạo, đặc điểm liên kết, tính chất hoá học, điều chế và ứng dụng của: Rượu Etylic, axit axetic, ý nghĩa độ rượu.
- Mối liên hệ giữa Etilen – rượu etylic – axit axetic.
- Phân loại các phản ứng trong hóa học hữu cơ.

#### 2. Kỹ năng:

- Viết CTPT, CTCT của những hidrocacbon và dẫn xuất hidrocacbon đã học, viết PTHH chứng minh cho các t/c hóa học.
- Vận dụng tính theo PTHH, áp dụng công thức chuyển đổi tính n, m, V, %m.
- Vận dụng kiến thức giải quyết các vấn đề thực tế

#### 3. Thái độ: Học tập nghiêm túc, chăm chỉ, cẩn thận.

#### 4. Phát triển năng lực:

- Năng lực tự học.
- Năng lực tư duy.
- Năng lực tự giải quyết vấn đề.
- Năng lực trả lời câu hỏi.

**II. Phạm vi ôn tập:**

- Bài 36. Metan
- Bài 37. Etilen
- Bài 38. Axetilen
- Bài 44. Rượu etylic
- Bài 45. Axit axetic
- Bài 46. Mối liên hệ giữa etilen, rượu etylic và axit axetic.

**III. Nội dung**

1. Viết công thức phân tử và phân tử khối, CTCT đầy đủ, CTCT thu gọn của: Metan, etilen, axetilen, rượu etylic, axit axetic.
2. Tính chất vật lí, tính chất hóa học và điều chế, ứng dụng của: etilen, axetilen, rượu etylic, axit axetic. Viết các PTHH minh họa?
3. Ý nghĩa độ rượu?
4. Nhận biết phản ứng cộng, phản ứng thế.
5. Trung hòa hoàn toàn 400 ml dung dịch axit axetic 0,5M bằng 400ml dung dịch NaOH.
  - a. Viết PTHH.
  - b. Tính nồng độ mol/l dung dịch NaOH cần dùng.

----- HẾT -----

**MÔN SINH HỌC****I. Mục tiêu****1. Kiến thức**

- Môi trường sống của sinh vật, các nhân tố sinh thái, ảnh hưởng của các nhân tố vô sinh (ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm) lên đời sống sinh vật.
- Các mối quan hệ của sinh vật trong tự nhiên, vận dụng lấy một số ví dụ chứng minh.
- Khái niệm quần thể sinh vật, quần xã sinh vật, hệ sinh thái, lưới thức ăn, chuỗi thức ăn.
- Những đặc trưng cơ bản của quần thể, ảnh hưởng của môi trường tới quần thể sinh vật. Các đặc điểm khác nhau giữa quần thể sinh vật và quần thể người.
- Đặc trưng về thành phần nhóm tuổi của mỗi quần thể người. Mối liên quan giữa tăng trưởng dân số với sự phát triển của xã hội.
- Những dấu hiệu điển hình của một quần xã, mối quan hệ giữa ngoại cảnh và quần xã.
- Xây dựng chuỗi thức ăn, lưới thức ăn trong hệ sinh thái.

**2. Kỹ năng**

- Rèn kỹ năng tư duy, so sánh, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
- Kỹ năng làm bài tập trắc nghiệm.

**3. Thái độ**

- Nghiêm túc, cẩn thận, tự giác khi làm bài.

#### **4. Phát triển năng lực**

- Năng lực tự học, năng lực vận dụng kiến thức để giải thích hiện tượng thực tế.
- Năng lực tư duy, so sánh.

**II. Hình thức đề kiểm tra** (70% trắc nghiệm, 30% tự luận)

#### **III. Phạm vi ôn tập**

- Chương I: Sinh vật và môi trường. (Từ bài 41 đến bài 44)
- Chương II: Hệ sinh thái. (Từ bài 47 đến bài 50)

#### **IV. Một số câu hỏi minh họa**

##### **A. Trắc nghiệm**

**Câu 1: Ví dụ nào thể hiện quan hệ cạnh tranh giữa các sinh vật cùng loài?**

- A. Trâu rừng sống thành bầy có khả năng tự vệ chống lại kẻ thù tốt hơn.
- B. Vào mùa sinh sản, các con voi đực thường đánh nhau để tranh giành con voi cái.
- C. Khi có gió bão, các cây thông đứng riêng lẻ dễ bị gió quật đổ hơn các cây mọc thành cụm.
- D. Chó rừng đi kiếm ăn theo đàn nên bắt được trâu rừng.

**Câu 2: Mối quan hệ cộng sinh là sự hợp tác**

- A. cùng có lợi giữa các loài sinh vật.
- B. giữa 2 loài sinh vật, trong đó một bên có lợi còn một bên không có lợi cũng không có hại.
- C. cùng hỗ trợ nhau giữa các sinh vật cùng loài.
- D. giữa các loài cùng nhau kiếm ăn và chống kẻ thù.

**Câu 3: Cá ép bám vào rùa biển, nhờ đó cá ép được rùa biển đưa đi xa hơn. Giữa cá ép và rùa biển có mối quan hệ nào?**

- A. Kí sinh.    B. Cộng sinh.    C. Hội sinh.    D. Cạnh tranh.

**Câu 4: Trong chuỗi thức ăn sau: Cây lúa → ốc bươu vàng → chuột → mèo. Mèo có vai trò là**

- A. sinh vật sản xuất.    B. sinh vật tiêu thụ bậc 2.
- C. sinh vật tiêu thụ bậc 3.    D. sinh vật phân giải.

**Câu 5: Thành phần vô sinh của hệ sinh thái bao gồm những yếu tố nào?**

- A. Nước, khí cacbonic, khí oxi, vi khuẩn, ánh sáng.
- B. Cây cỏ, cây lúa, nấm, thỏ, bò.
- C. Nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm, nấm, vi khuẩn.
- D. Nước, khí oxi, nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm.

**Câu 6: Trong một quần xã sinh vật, chỉ số loài ưu thế thể hiện**

- A. mức độ phong phú về số lượng loài trong quần xã.
- B. mật độ cá thể của từng loài trong quần xã.
- C. loài đóng vai trò quan trọng trong quần xã.
- D. loài chỉ có ở một quần xã hoặc có nhiều hơn hẳn các loài khác.





## MÔN ÂM NHẠC

### I. Mục tiêu cần đạt

#### 1. Kiến thức:

- Ôn tập toàn bộ các nội dung Hát và Tập đọc nhạc đã học trong học kì II

#### 2. Kỹ năng:

- Hát đúng lời ca, giai điệu, tiết tấu, thể hiện tốt sắc thái, tình cảm.
- Đọc đúng cao độ, trường độ, gõ đúng phách, thể hiện đúng tính chất nhịp.

#### 3. Thái độ:

- HS có ý thức, nghiêm túc học tập đối với các phân môn của môn học.

#### 4. Phát triển năng lực:

- Hoạt động, hiểu biết, cảm thụ, sáng tạo và ứng dụng âm nhạc.

### II. Hình thức ôn tập:

- Thực hiện ôn tập theo PPCT đối với từng phần môn
- Học sinh tự ôn tập tại nhà.

### III. Nội dung ôn tập:

#### 1. Nội dung Hát:

- Bóng dáng một ngôi trường

- Nụ cười
- Lí kéo chài
- Nối vòng tay lớn

**2. Tập đọc nhạc:** TĐN số 1-2-3-4

----- *HẾT* -----

## MÔN LỊCH SỬ

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức: HS ôn tập kiến thức các bài:

- Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân (1945-1946).
- Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1945-1950).
- Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1950-1953).
- Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc (1953-1954).

#### 2. Kỹ năng:

- Phân tích, đánh giá sự kiện lịch sử.

#### 3. Thái độ: Giáo dục cho HS:

- Niềm tin vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc chiến đấu chống lại thực dân Pháp xâm lược.
- Tinh thần đoàn kết của nhân dân làm nên mọi thắng lợi.
- Lòng biết ơn các anh hùng dân tộc.

#### 4. Phát triển năng lực:

- Năng lực chung: ghi nhớ, năng lực phân tích, đánh giá, tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo...
- Năng lực chuyên biệt: phân tích sự kiện lịch sử, tái hiện sự kiện lịch sử, năng lực đánh giá, nhận xét sự kiện lịch sử.....

### II. PHẠM VI ÔN TẬP:

Bài 24, 25, 26, 27.

### III. MỘT SỐ BÀI TẬP THAM KHẢO.

#### I. Bài tập trắc nghiệm:

Câu 1: Cuộc tổng tuyển cử đầu tiên bầu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa diễn ra vào thời gian nào?

- A. Ngày 6/1/1947.
- B. Ngày 6/1/1948.
- C. Ngày 6/1/1946.
- D. Ngày 6/1/1945.

Câu 2: “*Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.*” là đoạn trích trong văn kiện nào?

- A. Tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của Tổng Bí thư Trường Chinh.
- B. Chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.
- C. Chỉ thị sửa soạn khởi nghĩa của Tổng bộ Việt Minh.
- D. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng (12/1946) đã phát huy đường lối đấu tranh nào của dân tộc ta?

- A. Chiến tranh nhân dân.  
B. Chiến tranh đánh nhanh thắng nhanh.  
C. Chiến tranh tâm lí.  
D. Chiến tranh tranh thủ sự giúp đỡ hoàn toàn bên ngoài.
- Câu 4: Thắng lợi nào đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Na va của thực dân Pháp?  
A. Cuộc Tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954.  
B. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954.  
C. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết.  
D. Chiến thắng Bắc Tây Nguyên tháng 2/1954.
- Câu 5: Đế quốc Mỹ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương từ sau thất bại nào?  
A. Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947.  
B. Chiến dịch Biên Giới thu đông 1950.  
C. Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 – 1954.  
D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.
- Câu 6: Việc kí Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) giữa Chính phủ ta với Pháp đã chứng tỏ điều gì?  
A. Ta nhân nhượng để bảo toàn lực lượng cách mạng.  
B. Sự thắng lợi của Pháp trên mặt trận ngoại giao.  
C. Sự thỏa hiệp của Pháp đối với Chính phủ ta.  
D. Chủ trương đúng đắn và kịp thời của Đảng và Chính phủ.
- Câu 7: Chiến dịch chủ động tiến công đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) là  
A. chiến dịch Biên Giới thu – đông năm 1950.  
B. chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947.  
C. chiến dịch Trung Lào năm 1953.  
D. chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
- Câu 8: Điểm yếu lớn nhất của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đối với Pháp là  
A. xa hậu phương của Pháp, bị cô lập.  
B. số lượng quân lính không nhiều.  
C. mang nặng tính chất phòng thủ.  
D. Không có lực lượng hải quân.
- Câu 9: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng (2/1951) có ý nghĩa lịch sử như thế nào?  
A. Thể hiện sự đoàn kết của các tầng lớp nhân dân.  
B. Đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta, thúc đẩy kháng chiến tiến lên.  
C. Đánh dấu quá trình đổi mới hoạt động của Đảng.  
D. Thể hiện năng lực lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Câu 10: Từ cuộc đấu tranh ngoại giao sau Cách mạng tháng Tám 1945, có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì cho cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền Tổ quốc hiện nay?

- A. Vừa mềm dẻo vừa cương quyết.
- B. Cương quyết trong đấu tranh.
- C. Luôn mềm dẻo trong đấu tranh.
- D. Nhân nhượng với kẻ thù.

## II. Bài tập tự luận:

**Câu 1.** Tại sao ta mở chiến dịch Biên giới thu- đông năm 1950? Hãy trình bày diễn biến, kết quả, ý nghĩa của chiến dịch Biên giới thu đông 1950?

**Câu 2:** Tại sao nói: Điện Biên Phủ được các nhà quân sự Pháp- Mĩ đánh giá là “pháo đài bất khả xâm phạm”? Hãy trình bày diễn biến, kết quả, ý nghĩa của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954?

**Câu 3.** Hãy phân tích nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)?

----- HẾT -----